

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST

Ngày: 23 – 01 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bé Thị Thủy

Bà Lương Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông La Đăng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2017/HSST ngày 29 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2018, đối với các bị cáo:

- **Sân Dĩ T**, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1991 tại xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sân Dĩ P và bà Hà Thị C; có vợ là Vương Thị Hương H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định từ ngày 19/7/2017, đến ngày 05/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- **Nông Quốc T1**, sinh ngày 18 tháng 6 năm 1986 tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Triệu Thị X; có vợ là Đậu Thị H và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định từ ngày 19/7/2017, đến ngày 05/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- **Nông Văn T2**, sinh ngày 13 tháng 11 năm 1990 tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Đ và bà Mông Thị T; có vợ Sên Thị P và 01 con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định từ ngày 19/7/2017, đến ngày 05/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- **Nông Văn L**, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1990 tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm B, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn K và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định từ ngày 19/7/2017, đến ngày 05/9/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Đàm Văn T, sinh năm 1978; trú tại thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 18/7/2017 tại Km 52 + 900, tỉnh lộ 226, thuộc địa phận thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, tổ tuần tra kiểm soát giao thông Công an huyện Trảng Định bắt quả tang: Sên Dỉ T, Nông Quốc T1, Nông Văn L và Nông Văn T2 có hành vi vận chuyển trái phép pháo nổ trên xe ô tô SUZUKI biển kiểm soát 12A-052.66 do Đàm Văn T điều khiển. Tang vật thu giữ của Sên Dỉ T gồm 24,37 kg pháo các loại; thu giữ của Nông Quốc T1 gồm 17,02 kg pháo các loại; thu giữ của Nông Văn T2 gồm 17,28 kg pháo các loại; thu giữ của Nông Văn L gồm 29 kg pháo các loại.

Tại Kết luận giám định số 6240/C54-P2, ngày 16 tháng 12 năm 2017 của Viện Khoa học hình sự - Tổng cục Cảnh sát đã kết luận:

- Khối hình hộp vỏ ngoài bọc giấy màu (01 hộp pháo hình hộp chữ nhật bên trong có 25 ống vỏ giấy liên kết với nhau) bên trong mẫu ký hiệu số 01 (T) và tất cả các vật hình bóng điện tròn bên trong các mẫu ký hiệu số 01 và 02 (T và T2) đều là pháo hoa. Các loại pháo này khi đốt đều phát ra tiếng nổ và ánh sáng màu.

- Tất cả các mẫu vật còn lại đều là pháo nổ.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 07 giờ ngày 18/7/2017, T, T1, L, T2 đi xe khách từ Thái Nguyên đến huyện Trảng Định rồi xuất cảnh trái

phép qua cửa khẩu NN theo đường mòn qua mốc 969 sang Trung Quốc để tìm việc làm. Sang đến nơi, vì không tìm được việc nên cả bốn người thuê xe ô tô quay về. Khi đi qua chợ S – Long Châu - Trung Quốc, T, T1, L và T2 dừng lại vào một cửa hàng mua thuốc lá và nước uống. Tại đây, các bị cáo nảy sinh ý định mua pháo về để đốt và bán lại kiếm lời, trong đó T1 trả tiền mua pháo cho T1 và L hết 618 NDT(tiền Trung quốc), T mua pháo hết 300 NDT còn T2 mua pháo hết 312 NDT. Sau đó T1, T, T2 và L vận chuyển trái phép số pháo mua được qua cửa khẩu NN (mốc 969) về Việt Nam. Khi đến khu vực thôn B, xã Đ, huyện T thì bị Công an huyện Trảng Định phát hiện, bắt quả tang.

Tại bản cáo trạng số 05/KSĐT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2, Nông Văn L về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 153 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2, Nông Văn L về tội “Buôn lậu”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; 58 và Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nông Quốc T1 phạm tội buôn lậu; tuyên phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng;

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17; 58 và Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Nông Văn L phạm tội buôn lậu; tuyên phạt bị cáo từ 06 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 24 tháng;

- Áp dụng điểm c, khoản 1, Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s khoản 1; Điều 51 và Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, tuyên bố bị cáo Sân Dĩ T phạm tội buôn lậu; tuyên phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; bị cáo Nông Văn T2 phạm tội buôn lậu; tuyên phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Căn cứ khoản 2 Điều 50 BLHS, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, hiện đang nuôi con nhỏ. Bị cáo T thuộc hộ nghèo, bị cáo L thuộc hộ cận nghèo.

Về xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015: Tiêu hủy toàn bộ số pháo đã thu giữ của các bị cáo. Các tang vật còn lại không liên quan đến việc phạm tội, đề nghị trả lại cho các bị cáo

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2, Nông Văn L thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2, Nông Văn L khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 18/7/2017 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có căn cứ để xác định được rằng: Ngày 18/7/2017, Nông Quốc T1, Sân Dĩ T, Nông Văn T2 và Nông Văn L đã xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tìm việc làm. Vì không tìm được việc làm, các bị cáo đã quay về và tự mình mua pháo nổ tại chợ S - Long Châu - Trung Quốc và vận chuyển trái phép số pháo đã mua được qua cửa khẩu NN (mốc 969) về Việt Nam để mang về Thái Nguyên với mục đích sử dụng và bán lại kiếm lợi nhuận thì bị Công an huyện Trảng Định phát hiện, bắt quả tang. Số pháo thu giữ của các bị cáo qua giám định là pháo nổ cụ thể: Của Sân Dĩ T là 19,87kg, Nông Quốc T1 là 17,02kg, Nông Văn T2 là 13,78kg và Nông Văn L là 29kg. Các bị cáo T1, T, L, T2 cùng khẳng định mục đích mua pháo từ Trung Quốc về Việt Nam để bản thân sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lợi nhuận, tuy nhiên các bị cáo không có sự bàn bạc từ trước cũng như không có thỏa thuận về việc chia lợi nhuận sau khi bán được pháo. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Nông Quốc T1, Sân Dĩ T, Nông Văn T2, Nông Văn L về tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi mua bán pháo nổ là vi phạm pháp luật, nhưng do

hám lời, để có tiền phục vụ cho nhu cầu cá nhân, các bị cáo đã thực hiện hành vi buôn lậu pháo nổ để nhằm kiếm tiền cho bản thân một cách nhanh chóng bằng hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự xã hội. Do đó, cần có một hình phạt nghiêm khắc, thỏa đáng nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác. Để có mức án thỏa đáng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử đánh giá về nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[4] Các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2 và Nông Văn L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; các bị cáo Nông Quốc T1 và Nông Văn L đều có bố đẻ là người có công với Cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang; vì vậy Hội đồng xét xử đồng ý với đề nghị của Kiểm sát viên cho các bị cáo Nông Quốc T1 và Nông Văn L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Đối với các bị cáo Sân Dĩ T, Nông Quốc T1 và Nông Văn T2 đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo cải tạo tại địa phương không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm; các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, nhất thời phạm tội, nên Hội đồng xét xử xét thấy chưa cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa phương là phù hợp để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[7] Đối với bị cáo Nông Văn L, bị cáo cũng có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng; có ít nhất 02 tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm hơn các bị cáo T, T1 và T2, bởi bản thân bị cáo nhận thức được rõ việc mua bán pháo nổ là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ở việc tuy không mang theo tiền trong người nhưng bị cáo đã chủ động hỏi mượn tiền bị cáo T1 để mua pháo nổ về nhằm đốt và bán lại kiếm lời bất chính, hơn nữa, số lượng pháo nổ bị cáo mua bán cũng nhiều hơn so với các bị cáo T, T1 và T2. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử bị cáo với mức án tù giam nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và mới có răn đe để phòng ngừa chung đối với các đối tượng khác.

[8] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản và thu nhập đối với bị cáo Sân Dĩ T ngày 10/8/2017 thể hiện bị cáo là lao động tự do, có thu

nhập thấp và không có tài sản riêng, gia đình bị cáo T thuộc diện hộ nghèo của xã. Tại các biên bản xác minh về tài sản và thu nhập đối với các bị cáo Nông Quốc T1, Nông Văn T2 và Nông Văn L, ngày 24/8/2017 đều thể hiện các bị cáo không thu nhập, không có tài sản riêng, gia đình bị cáo Nông Văn L thuộc diện hộ cận nghèo của xã. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về vật chứng của vụ án: Đối với tổng trọng lượng 19,87kg pháo nổ và 4,5 kg pháo hoa thu giữ của Sân Dỉ T; 17,02kg pháo nổ thu giữ của Nông Quốc T1; 13,78kg pháo nổ và 3,5 kg pháo hoa thu giữ của Nông Văn T2 và 29kg pháo nổ thu giữ của Nông Văn L là hàng cấm lưu hành, do đó, cần tịch thu tiêu hủy. Trả lại cho các bị cáo Sân Dỉ T 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 điện thoại di động; 01 ví giả da; 02 thẻ bảo hành; 01 thẻ y tế; 01 giấy bảo hiểm xe mô tô; 01 máy tính bảng Tabsi màu trắng; 01 chứng minh nhân dân và 64 nhân dân tệ tiền Trung Quốc; Nông Quốc T1 01 điện thoại di động; 01 chứng minh thư nhân dân; Nông Văn T2 01 điện thoại di động OPPO; 01 ví giả da và 99 đồng 07 hào tiền Trung Quốc; Nông Văn L 01 điện thoại di động SONY, số tang vật trên không liên quan đến việc phạm tội.

Các tang vật trên lưu tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định theo biên bản bàn giao ngày 27/10/2017.

Trả lại cho bị cáo Sân Dỉ T số tiền 800.000đồng (tám trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nông Văn T2 315.000 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nông Quốc T1 2.255.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền trên hiện đang nộp tại tài khoản số: 3949.0.1054413.00000. Kho bạc Nhà nước huyện Trảng Định theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 27/10/2017.

[10] Về án phí: Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Sân Dỉ T; Nông Quốc T1; Nông Văn T2; Nông Văn L phải chịu án phí theo quy định.

[11] Đối với Đàm Văn T, là người trực tiếp chở T, T1, T2 và L cùng toàn bộ số pháo từ cửa khẩu NN đi Thái Nguyên. Tuy nhiên quá trình vận chuyển, Đàm Văn T không biết số hàng hóa mà T, T1, T2, L mang theo đựng trong các bao tải, túi xách và balô là pháo nổ nên không đề cập xử lý Đàm Văn T trong vụ án này. Đồng thời xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến kết quả điều tra vụ án, ngày 23/8/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô BKS 12A-05266 và các giấy tờ liên quan cho anh Đàm Văn T là chủ sở hữu.

[12] Đối với đối tượng người Trung Quốc được bán pháo nổ cho các bị cáo, xét thấy đối tượng này là người nước ngoài nên không thể điều tra, xác minh được.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 153 của Bộ luật hình sự năm 1999.

1. Tuyên bố các bị cáo Nông Quốc T1, Sân Dĩ T, Nông Văn T2, Nông Văn L phạm tội “Buôn lậu”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nông Văn T2.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T2 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Sân Dĩ T.

Xử phạt bị cáo Sân Dĩ T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153 BLHS 1999; các điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58 và khoản 1, 2 Điều 65 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nông Quốc T1.

Xử phạt bị cáo Nông Quốc T1 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên để giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 153 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s, khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, đối với bị cáo Nông Văn L.

Xử phạt bị cáo Nông Văn L 06 tháng tù giam, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ đi số ngày bị cáo đã tạm giam từ ngày 19/7/2017 đến ngày 05/9/2017.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy tổng trọng lượng 19,87kg pháo nổ và 4,5kg pháo hoa thu giữ của Sân Di T; 17,02kg pháo nổ thu giữ của Nông Quốc T1; 13,78kg pháo nổ và 3,5kg pháo hoa thu giữ của Nông Văn T2 và 29kg pháo nổ thu giữ của Nông Văn L; 01 túi du lịch dạng ba lô màu xanh có ba ngăn.

Trả lại cho các bị cáo Sân Di T 01 giấy phép lái xe mô tô; 01 điện thoại di động; 01 ví giả da; 02 thẻ bảo hành; 01 thẻ y tế; 01 giấy bảo hiểm xe mô tô; 01 máy tính bảng Tabsi màu trắng; 01 chứng minh nhân dân và 64 nhân dân tệ tiền Trung Quốc; Nông Quốc T1 01 điện thoại di động; 01 chứng minh thư nhân dân; Nông Văn T2 01 điện thoại di động OPPO; 01 ví giả da và 99 đồng 07 hào tiền Trung Quốc; Nông Văn L 01 điện thoại di động SONY, số tang vật trên không liên quan đến việc phạm tội.

Các tang vật trên lưu tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định theo biên bản bàn giao ngày 27/10/2017 và ngày 18/01/2018.

Trả lại cho bị cáo Sân Di T số tiền 800.000đồng (Tám trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nông Văn T2 315.000 đồng (Ba trăm mười lăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nông Quốc T1 2.255.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền trên hiện đang nộp tại tài khoản số: 3949.0.1054413.00000. Kho bạc Nhà nước huyện Trảng Định theo giấy ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 27/10/2017.

- Về án phí: Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Sân Di T, Nông Quốc T1, Nông Văn T2, Nông Văn L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn
- VKSND huyện Trảng Định;
- Công an huyện Trảng Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Trảng Định;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Văn Khi